

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT

Ngày: 18-11-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Hiến -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2022/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 04/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là thị xã C) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV Minh Đức T.

Địa chỉ: Số 17/4, phường Đ, TP. D, tỉnh Bình Dương.

Chủ sở hữu và cũng là người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1982 - Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 26, đường S, Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*** *Bị đơn:*** Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S

Địa chỉ: Ấp 4, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Chủ sở hữu và cũng là người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Ngô Ngọc Bình D, sinh năm 1995, địa chỉ số 160, QL 14, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước.

Do có kháng cáo của bị đơn: Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Minh Đức T người đại diện ông Võ Tấn Đ trình bày:

Ngày 24/8/2017 giữa Công ty TNHH MTV Minh Đức T (viết tắt là công ty Đức T) và Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S (viết tắt là Công ty Lâm S), ký hợp đồng kinh tế số: 48/HĐKT-2017 để cung cấp, mua bán máy móc thiết bị sấy gỗ với chi tiết do các bên thỏa thuận theo Điều 1 của hợp đồng. trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đức T đã thực hiện đúng tiến độ và bàn giao máy móc cho Công ty Lâm S. Tuy nhiên phía công ty Lâm S đã không thanh toán đúng như thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế số: 48/HĐKT-2017, bên cạnh đó công ty Lâm S còn nợ tiền của các hợp đồng trước đây chưa thanh toán hết, do đó, vào ngày 09/01/2018 hai bên đối chiếu công nợ thì công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền 1.906.349.000 đồng, sau đó công ty Đức T có đến làm việc với công ty Lâm S về khoản nợ và phương thức thanh toán. Theo Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/6/2020 công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền là 600.000.000 đồng, công ty Lâm S cam kết trả đủ trong vòng 6 tháng tính từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 24/12/2020 nhưng đến nay công ty Lâm S vẫn không thanh toán cho công ty Đức T. do đó công ty Đức T khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân huyện C giải quyết:

Buộc Công ty Lâm S phải trả lãi chocho số tiền chậm thanh toán từ ngày 24/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 18 tháng tiền lãi của khoản tiền gốc 600.000.000 đồng x 0,83% = 89.964.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Photo); HĐ kinh tế số: 48/HĐKT-2017 (Photo); Biên bản hòa giải nợ (Photo); Giấy ủy quyền, Bản đối chiếu công nợ (Photo).

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Lâm S do anh Ngô Ngọc Bình D Trình bày:

Phía bị đơn đồng ý về khoản nợ mà nguyên đơn cung cấp mua bán máy móc thiết bị sấy gỗ với chi tiết do các bên thỏa thuận theo Điều 1 của hợp đồng. trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đức T đã thực hiện đúng tiến độ và bàn giao

máy móc cho Công ty Lâm S. Tuy nhiên phía công ty Lâm S đã không thanh toán đúng như thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế số: 48/HĐKT-2017, bên cạnh đó công ty Lâm S còn nợ tiền của các hợp đồng trước đây chưa thanh toán hết, do đó, vào ngày 09/01/2018 hai bên đối chiếu công nợ thì công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền 1.906.349.000 đồng, sau đó công ty Đức T có đến làm việc với công ty Lâm S về khoản nợ và phương thức thanh toán. Theo Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/6/2020 công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền là 600.000.000 đồng, công ty Lâm S cam kết trả đủ trong vòng 6 tháng tính từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 24/12/2020. Ngày 25/6/2020 công ty Đức T lên thu hồi máy móc thiết bị sấy gỗ do công ty Đức T lắp đặt theo hợp đồng kinh tế số: 48/HĐKT-2017 để căn từ số tiền 1.906.349.000 đồng đã chót nợ trước đó và đã lấy thêm của công ty Lâm S 01 bồn tắm trị giá 400.000.000 đồng để căn trừ nợ. Theo biên bản thu hồi máy móc thiết bị sấy gỗ thể hiện nội dung công ty Đức T thu hồi 100% thiết bị do công ty Đức T lắp đặt sẽ thu hồi hết. Tuy nhiên, Công ty Đức T chỉ lắp đặt 01 bồn tắm nhưng khi thu hồi lại thu hồi 02 bồn tắm. hiện nay các bên thống nhất giá trị bồn tắm là 180.000.000 đồng, nên trước yêu cầu khởi kiện của công ty Đức T thì công ty Lâm S chỉ đồng ý trả 420. 000.000 đồng còn lại vì trong số tiền 600.000.000 đồng chưa trừ giá trị bồn tắm mà công ty Đức T thu hồi (không phải bồn tắm theo hợp đồng kinh tế số: 48/HĐKT-2017 và không đồng ý trả lãi suất).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty công ty TNHH MTV Minh Đức T.

Buộc Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S phải trả cho công ty TNHH MTV Minh Đức T số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và 95.461.800 đồng nợ lãi

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/8/2022, bị đơn Công ty Lâm S đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: có đủ căn cứ xác định công ty Lâm S còn nợ công ty Minh Đức T 600 triệu đồng nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại. Về lãi suất theo biên bản xác nhận nợ ngày 24/6/2020 các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh, căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005 công ty Minh Đức T được quyền tính lãi từ thời điểm công ty Lâm S vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 25/12/2020, tuy nhiên công ty Minh Đức T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Lâm S, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Lâm S làm trong thời hạn luật định về hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 BLTTDS. Nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Lâm S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng kinh tế số 408/HĐKT-2017 ngày 24/8/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Minh Đức T (gọi tắt là Công ty Đức T) và Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV SX TM Lâm S (gọi tắt là công ty Lâm S) có ký hợp

đồng kinh tế số 408/HĐKT-2017 về việc công ty Minh Đức T cung cấp máy thiết bị sấy gỗ với chi tiết do các bên thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng.

Nguyên đơn Công ty Đức T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng. Tại biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/6/2020 công ty Lâm S còn nợ công ty Minh Đức T số tiền 600.000.000 đồng và cam kết thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên trong vòng 6 tháng tính từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 24/12/2020. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn công ty Lâm S cũng thừa nhận số tiền nợ mua máy móc thiết bị là 600.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Tuy nhiên, phía bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 420.000.000 đồng và không đồng ý lãi suất vì cho rằng ngày 25/6/2020 công ty Đức T lên thu hồi máy móc máy thiết bị sấy gỗ do công ty Đức T lắp đặt hợp đồng kinh tế số 408/HĐKT-2017 để cản trừ số tiền 1.906.349.000 đồng đã chót nợ ngày 09/01/2018 có lấy thêm của công ty Lâm S 01 bồn tắm mà hiện nay các bên đã thỏa thuận giá trị là 180.000.000 đồng. Nguyên đơn công ty Đức T xác định ngày 09/01/2018 giữa công ty Lâm S và công ty Đức T đã đối chiếu công nợ và thống nhất số tiền nợ là 1.906.349.000 đồng. Do công ty Lâm S không có phương án trả nợ nên ngày 24/6/2020 giữa công ty Đức T và công ty Lâm S thống nhất công ty Đức T sẽ thu hồi máy để trừ bớt nợ và công ty Lâm S cho công ty Đức T thu hồi máy trong đó bao gồm cả 01 bồn tắm của Lâm S để cản trừ số tiền 1.906.349.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng và lập biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/6/2020. Ngày 25/6/2020 công ty Đức T lên thu hồi máy và lập biên bản thu hồi máy thiết bị sấy gỗ có xác nhận của hai bên nên không có việc thu hồi thêm bồn tắm của công ty Lâm S mà chưa cản trừ trong tổng số tiền 1.906.349.000 đồng.

Xét thấy, tại biên bản thu hồi máy thiết bị sấy gỗ ngày 25/4/2020 thể hiện nội dung công ty Đức T thu hồi 100% thiết bị do công ty Đức T lắp đặt sẽ thu hồi hết có liệt kê toàn bộ số lượng thiết bị trong đó có 02 bồn tắm (bao gồm cả 01 bồn tắm không do Đức T lắp đặt) và số lượng máy này không có thống kê chi tiết giá cả từng loại (BL 66). Đồng thời các bên đều xác nhận tại Bản đối chiếu công nợ ngày 09/01/2018 (BL 68) các bên đã thống nhất còn nợ số 1.906.349.000 đồng và ngày 24/6/2020 thỏa thuận thu hồi máy trừ số nợ 1.306.349.000 đồng và chót tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng đến ngày 25/6/2020 các bên tiến hành giao nhận thu hồi các thiết bị sấy gỗ.

Theo các đương sự, trong đó có 02 bồn tắm (01 bồn tắm của công ty Lâm S, 01 bồn tắm của công ty Đức T lắp đặt).

Tuy nhiên, việc giao nhận các thiết bị máy móc trên được thực hiện công khai, có lãnh đạo công ty Lâm S ký nhận trong biên bản, trong quá trình giao nhận thiết bị phía công ty Lâm S cũng không có bất kỳ ý kiến gì về nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm công ty Lâm S cũng không có tài liệu nào khác chứng minh, bị đơn cũng không cung cấp được thêm văn bản nào khác thể hiện thu hồi thêm 01 bồn tắm để trừ thêm vào số nợ 600.000.000 đồng. Do đó, không có chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn cho rằng công ty Minh Đức T có thu hồi dư 01 bồn tắm mà bồn tắm này đã được tính luôn vào số tiền 1.306.349.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền 600.000.000 đồng sau khi các bên thu hồi tài sản và cần trừ công nợ trong việc mua bán hàng hóa ký kết tại hợp đồng kinh tế số 408/HĐKT-2017 và buộc công ty Lâm S phải trả cho công ty Minh Đức T số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại như cấp sơ thẩm nhận định là có cơ sở nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu lãi suất: Tại biên bản xác nhận nợ ngày 24/6/2020 các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005, công ty Đức T được quyền tính lãi từ thời điểm công ty Lâm S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 25/12/2020). Tuy nhiên, công ty Đức T chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2021 xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: mức lãi suất theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử là 15,2%/năm (tương đương 12,6%/1 tháng): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (15,6%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (14,25%/năm) và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (15,75%/năm). Yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính là 0,833 % /tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và bản án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Theo đó, công ty Lâm S còn nợ công ty Đức T số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Số tiền lãi phát sinh tính từ 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/8/2022 là 19 tháng 3 ngày = 95.461.800 đồng.

Như vậy. Tổng cộng số tiền công ty Lâm S phải trả công ty Đức Tiến cả gốc và lãi là: 695.461.800 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S, giữ nguyên Bản án số 05/2022/KDTM-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, 148, Điều 266, Điều 171 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 Luật Thương mại; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Minh Đức T. Buộc Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S phải trả cho Công ty TNHH MTV Minh Đức T số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và 95.461.000 đồng nợ lãi.

2/ Án phí:

Án phí KDTM sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S phải chịu 31.818.472 đồng. Công ty TNHH MTV Minh Đức T không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009224 ngày 16/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty TNHH MTV SX TM Lâm S phải chịu 2.000.000 (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào hai biên lai thu tiền số 0011916 ngày 22/8/2022 và biên lai số 0011929 ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục THADS thị xã C, tỉnh Bình Phước.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. TH-CNV, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Hạnh